

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/ HNGĐ –ST
Ngày : 24/8/2023
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tùng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Đạo
Ông Đặng Hoàng Mịch
- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 258/2023/TLST –HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Tr, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/3/2023, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày như sau:*

Bà và ông Tr cưới nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Long Định. Quá trình sinh sống có hạnh phúc đến tháng 6/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hợp nên cả hai đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà xin được ly hôn với ông Tr.

- Về con chung: Có 01 con chung K sinh ngày 14/9/2003 hiện đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Tr trình bày:*

Ông và bà L cưới nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Định. Trong quá trình chung sống có hạnh phúc, vợ chồng có buồn vui nên bà L xin ly hôn. Ông thừa nhận vợ chồng có sống chung nhà nhưng đã ly thân hơn 10 năm nay, nhưng ông còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung K, sinh ngày 14/9/2003 hiện đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Bà L và ông Tr cưới nhau vào năm 2002, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định vào năm 2003 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì vậy, bà L và ông Tr đã ly thân hơn 10 năm nay. Tuy ông Tr không đồng ý ly hôn nhưng ông Tr thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân hơn 10 năm nay. HĐXX xét thấy: Bà L và ông Tr tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân hơn 10 năm nay, ông Tr vẫn không có động thái hay thiện chí để cho bà L và ông Tr hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Tr và bà L là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tr là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Có 01 con chung K, sinh ngày 14/9/2003 hiện đã trưởng thành.

[3] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] *Về nợ chung:* Không có.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà L phải nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà L ly hôn với ông Tr. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 29/3/2004 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 con chung K, sinh ngày 14/9/2003 hiện đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004968 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Long Định;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng